

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 9. Luận giải về việc phân tích sự rời xa y phục

9. Cīvaravippavāsavinicchaya kathā

9. Lời Giải Thích Về Sự Quyết Định Liên Quan Đến Việc Sống Xa Y

51. Cīvarenavināvāsoti ticīvarādhiṭṭhānena adhiṭṭhitānaṃ tiṇṇaṃ cīvarānaṃ aññatarena vippavāso. Evaṃ adhiṭṭhitesu hi tīsu cīvareso ekenapi vinā vasituma na vaṭṭati, vasantassa saha aruṇuggamaṇā cīvaraṃ nissaggiyaṃ hoti, tasmā aruṇuggamanasamaye cīvaraṃ aḍḍhateyyaratanappamāṇe hatthapāse katvā vasitabbaṃ. Gāmanivesanaudositaadḍamaḷapāsādahammiyanāvāsathakhattadhaññakaraṇaārāmavihāra pana ayaṃ viseso (pārā. aṭṭha. 2.477-8) – sace ekassa rañño gāmaḥojakassa vā santako **gāmo** hoti, yena kenaci pākārena vā vatiyā vā parikhāya vā parikkhitto ca, evarūpe gāme cīvaraṃ nikkhipitvā gāmaḥbhattare yattha katthaci yathāruccitattāṇe aruṇaṃ utthāpetuma vaṭṭati. Sace pana aparikkhitto hoti, evarūpe gāme yasmiṃ ghare cīvaraṃ nikkhittaṃ, tasmīṃ vatthabbaṃ, tassa vā gharassa hatthapāse samantā aḍḍhateyyaratanabbhattare vasitabbaṃ. Taṃ pamāṇaṃ atikkamitvā sacepi iddhiṃ bhikkhu ākāse aruṇaṃ utthāpeti, cīvaraṃ nissaggiyameva hoti.

51. Việc sống không có y có nghĩa là việc sống xa rời bất cứ y nào trong ba y đã được chú nguyện bằng sự chú nguyện ba y. Thật vậy, trong ba y đã được chú nguyện như vậy, không được phép sống mà không có dù chỉ một y. Đối với vị đang sống (như thế), y trở thành vật phải xả bỏ cùng với lúc rạng đông. Do đó, vào thời điểm rạng đông, nên ở sau khi đã đặt y ở trong tầm tay, tức khoảng cách hai khuỷu tay rưỡi. Tuy nhiên, đây là sự khác biệt ở trong làng, tư gia, lều có mái che, lều nóc bằng, lều dài, thuyền, đoàn lũ hành, ruộng, sân đập lúa, tự viện, tu viện, gốc cây, và ngoài trời (pārā. aṭṭha. 2.477-8) – nếu **ngôi làng** là tài sản của một vị vua hoặc một vị trưởng làng, và được bao bọc bởi bất cứ tường rào, hàng rào, hoặc hào nước nào, thì ở trong ngôi làng như vậy, được phép để rạng đông ló dạng ở bất cứ nơi nào tùy thích bên trong làng sau khi đã gởi y. Tuy nhiên, nếu không được bao bọc, ở trong ngôi làng như vậy, vị ấy phải ở trong ngôi nhà nào mà y đã được gởi, hoặc phải ở trong phạm vi hai khuỷu tay rưỡi xung quanh tầm tay của ngôi nhà ấy. Nếu vị Tỳ-khưu có thần thông để cho rạng đông ló dạng ở trên không trung, sau khi đã vượt qua khoảng cách ấy, thì y vẫn phải bị xả bỏ.

Sace nānārājūnaṃ vā bhojakānaṃ vā gāmo hoti vesālīkusinārādisadiso parikkhitto ca, evarūpe gāme yasmiṃ ghare cīvaraṃ nikkhittaṃ, tattha vā vatthabbaṃ, tattha saddasaṅghaṭṭanena vā janasambādhena vā vasituma asakkontena sabhāye vā vatthabbaṃ nagaradvāramūle vā. Tatrāpi vasituma asakkontena yattha katthaci phāsukaṭṭhāne vasitvā antoaruṇe āgamma tesamīyeva sabhāyanagaradvāramūlānaṃ hatthapāse vasitabbaṃ. Gharassa pana cīvarassa vā hatthapāse vattabbameva natthi. Nếu ngôi làng thuộc về nhiều vị vua hoặc nhiều vị trưởng làng, tương tự như Vesālī hay Kusinārā và có tường bao quanh, thì ở trong ngôi làng như vậy, vị ấy nên ở trong nhà nào mà y đã được gởi, hoặc nếu không thể ở đó do tiếng ồn ào hoặc do đông người, thì nên ở tại nhà hội hoặc ở gốc cổng thành. Nếu không thể ở đó được, vị ấy nên ở tại một nơi nào

đó thích hợp, rồi trở về trước rặng đông và ở trong tầm tay của chính nhà hội và gốc cổng thành ấy. Hơn nữa, không cần phải nói về việc ở trong tầm tay của ngôi nhà hoặc của y.

Sace ghare aṭṭhapetvā “sabhāye ṭhapessāmī”ti sabhāyaṃ gacchanto hattham pasāretvā “handimaṃ cīvaraṃ ṭhapehī”ti evaṃ nikkhepasukhe hatthapāsagate kismiñci āpaṇe cīvaraṃ nikkhipati, tena purimanayeneva sabhāye vā vatthabbaṃ, dvāramūle vā tesam hatthapāse vā vasitabbaṃ.

Nếu, sau khi không gọi y ở nhà, vị ấy đi đến nhà hội với ý nghĩ: “Ta sẽ gọi y ở nhà hội,” và khi đang trên đường đi, vị ấy gọi y ở một cửa hàng nào đó nằm trong tầm tay, dễ dàng cho việc gọi y, với ý nghĩ: “Này, hãy giữ y này,” thì theo phương thức đã nêu trước, vị ấy nên ở tại nhà hội, hoặc ở gốc cổng thành, hoặc ở trong tầm tay của những nơi ấy.

Sace nagarassa bahūnipi dvārāni honti bahūni ca sabhāyāni, sabbattha vasituṃ na vaṭṭati. Yassā pana vīthiyā cīvaraṃ ṭhapitaṃ, yaṃ tassā sammukhaṭṭhāne sabhāyañca dvārañca, tassa sabhāyassa ca dvārassa ca hatthapāse vasitabbaṃ. Evañhi sati sakkā cīvarassa pavattiṃ jānituṃ. Sabhāyaṃ pana gacchantena yassa āpaṇikassa hatthe nikkhittaṃ, sace so taṃ cīvaraṃ atiharitvā ghare nikkhipati, vīthihatthapāso na rakkhati, gharassa hatthapāse vatthabbaṃ. Sace mahantaṃ gharaṃ hoti dve vīthiyo pharitvā ṭhitaṃ, purato vā pacchato vā hatthapāseyaeva aruṇaṃ uṭṭhāpetabbaṃ. Sabhāye nikkhipitvā pana sabhāye vā tassa sammukhe nagaradvāramūle vā tesamyeva hatthapāse vā aruṇaṃ uṭṭhāpetabbaṃ. Sace pana gāmo aparikkhitto hoti, yasmiṃ ghare cīvaraṃ nikkhittaṃ, tasmiṃ ghare tassa gharassa vā hatthapāse vatthabbaṃ.

Nếu thành phố có nhiều cổng và nhiều nhà hội, không được phép ở khắp mọi nơi. Tuy nhiên, y được gọi ở đường phố nào, nhà hội và cổng thành nào ở đối diện với đường phố ấy, thì vị ấy nên ở trong tầm tay của nhà hội và cổng thành đó. Thật vậy, khi làm như vậy, vị ấy có thể biết được tình trạng của y. Hơn nữa, khi đi đến nhà hội, nếu người chủ cửa hàng mà vị ấy đã gọi y trong tay, mang y đó đi và gọi ở nhà mình, thì tầm tay của đường phố không còn được duy trì, vị ấy phải ở trong tầm tay của ngôi nhà. Nếu là một ngôi nhà lớn, nằm vắt qua hai con đường, thì rặng đông phải lộ dạng ngay trong tầm tay, hoặc ở phía trước hoặc ở phía sau. Hơn nữa, sau khi gọi y ở nhà hội, rặng đông nên lộ dạng ở nhà hội, hoặc ở gốc cổng thành đối diện với nó, hoặc trong tầm tay của chính những nơi ấy. Tuy nhiên, nếu làng không có tường bao quanh, y đã được gọi ở nhà nào, vị ấy phải ở trong nhà đó hoặc trong tầm tay của ngôi nhà đó.

Sace (pārā. 480) ekakulassa santakaṃ **nivesanaṃ** hoti parikkhittañca nānāgabbhaṃ nānāovaraṃ, antonivesane cīvaraṃ nikkhipitvā antonivesane vatthabbaṃ. Sace aparikkhittaṃ, yasmiṃ gabbhe cīvaraṃ nikkhittaṃ hoti, tasmiṃ gabbhe vatthabbaṃ gabbhassa hatthapāse vā. Sace nānākulassa nivesanaṃ hoti parikkhittañca nānāgabbhaṃ nānāovaraṃ, yasmiṃ gabbhe cīvaraṃ nikkhittaṃ hoti, tasmiṃ gabbhe vatthabbaṃ, sabbesaṃ sādharmaṇe gharadvāramūle vā gabbhassa vā gharadvāramūlassa

vā hatthapāse. Sace aparikkhittam hoti, yasmim gabbhe cīvaram nikkhittam, tasmim gabbhe vatthabbam gabbhassa vā hatthapāse. **Udositaḍḍamālapāsādaḥammiyesu pi nivesane vuttanayeneva vinicchayo veditabbo.**

Nếu (pārā. 480) **tư gia** thuộc về một gia đình, có tường bao quanh, có nhiều phòng và nhiều buồng, thì sau khi gởi y bên trong tư gia, vị ấy nên ở bên trong tư gia. Nếu không có tường bao quanh, y đã được gởi ở phòng nào, vị ấy phải ở trong phòng đó hoặc trong tầm tay của phòng đó. Nếu tư gia thuộc về nhiều gia đình, có tường bao quanh, có nhiều phòng và nhiều buồng, y đã được gởi ở phòng nào, vị ấy phải ở trong phòng đó, hoặc ở gốc cổng nhà chung của tất cả mọi người, hoặc trong tầm tay của phòng hoặc của gốc cổng nhà. Nếu không có tường bao quanh, y đã được gởi ở phòng nào, vị ấy phải ở trong phòng đó hoặc trong tầm tay của phòng đó. **Trong các lều có mái che, lều nóc bằng, và lều dài** cũng vậy, sự quyết định nên được hiểu theo phương thức đã nêu trong trường hợp tư gia.

Sace ekakulassa **nāvā** hoti, antonāvāyam cīvaram nikkhipitvā antonāvāyam vatthabbam. Sace nānakulassa nāvā hoti nānāgabbhā nānāovarakā, yasmim ovarake cīvaram nikkhittam hoti, tasmim ovarake vatthabbam ovarakassa hatthapāse vā.

Nếu **chiếc thuyền** thuộc về một gia đình, thì sau khi gởi y bên trong thuyền, vị ấy nên ở bên trong thuyền. Nếu chiếc thuyền thuộc về nhiều gia đình, có nhiều phòng và nhiều buồng, y đã được gởi ở buồng nào, vị ấy phải ở trong buồng đó hoặc trong tầm tay của buồng đó.

Sace ekakulassa **sattho** hoti, tasmim satthe cīvaram nikkhipitvā purato vā pacchato vā sattabbhantarā na vijahitabbā, passato abbhantaram na vijahitabbam. Ekaṃ abbhantaram aṭṭhaviṣatihattham hoti. Sace nānakulassa sattho hoti, satthe cīvaram nikkhipitvā cīvarassa hatthapāse vasitabbam. Sace sattho gacchanto gāmaṃ vā nadiṃ vā pariyādiyitvā tiṭṭhati, antopavittṭhena saddhim ekābaddho hutvā oraṇca pāraṇca pharitvā ṭhito hoti, satthaparihāro labbhati. Atha gāme vā nadiyā vā pariyāpanno hoti, gāmaparihāro ceva nadiparihāro ca labbhati. Sace viḥārasīmaṃ atikkamitvā tiṭṭhati, antosīmāya ca cīvaram hoti, viḥāram gantvā vasitabbam. Sace bahisīmāya cīvaram hoti, satthasamīpeyeva vasitabbam. Sace gacchanto sattho sakaṭe vā bhagge goṇe vā natṭhe antarā chijjati, yasmim koṭṭhāse cīvaram nikkhittam, tattha vasitabbam.

Nếu **đoàn lũ hành** thuộc về một gia đình, thì sau khi gởi y trong đoàn lũ hành đó, vị ấy không được rời xa phạm vi bảy abbhantara ở phía trước hoặc phía sau, và không được rời xa phạm vi một abbhantara ở hai bên. Một abbhantara là hai mươi tám khuỷu tay. Nếu đoàn lũ hành thuộc về nhiều gia đình, thì sau khi gởi y trong đoàn lũ hành, vị ấy nên ở trong tầm tay của y. Nếu đoàn lũ hành đang đi, dừng lại sau khi đã chiếm trọn một ngôi làng hoặc một con sông, và đứng lại trải dài từ bờ bên này sang bờ bên kia, liền một khối

với phần đã đi vào trong, thì được hưởng quy định về đoàn lữ hành. Nếu đã đi vào trong làng hoặc sông, thì được hưởng quy định về làng và quy định về sông. Nếu dừng lại sau khi đã vượt qua giới phận của tu viện, và y ở bên trong giới phận, thì nên đi đến tu viện và ở đó. Nếu y ở bên ngoài giới phận, thì nên ở ngay gần đoàn lữ hành. Nếu đoàn lữ hành đang đi bị chia cắt giữa chừng do xe bò bị hỏng hoặc bò bị lạc, thì y đã được gởi ở phần nào, vị ấy nên ở phần đó.

Sace ekakulassa **khettaṃ** hoti parikkhittaṇca, antokhette cīvaraṃ nikkhipitvā antokhette vatthabbaṃ. Sace aparikkhittaṃ hoti, cīvarassa hatthapāse vasitabbaṃ. Sace nānākulassa khettaṃ hoti parikkhittaṇca, antokhette cīvaraṃ nikkhipitvā dvāramūle vatthabbaṃ dvāramūlassa hatthapāse vā. Sace aparikkhittaṃ hoti, cīvarassa hatthapāse vasitabbaṃ.

Nếu **cánh đồng** thuộc về một gia đình và có hàng rào, thì sau khi gởi y bên trong cánh đồng, vị ấy nên ở bên trong cánh đồng. Nếu không có hàng rào, thì nên ở trong tầm tay của y. Nếu cánh đồng thuộc về nhiều gia đình và có hàng rào, thì sau khi gởi y bên trong cánh đồng, vị ấy nên ở gốc cổng hoặc trong tầm tay của gốc cổng. Nếu không có hàng rào, thì nên ở trong tầm tay của y.

Sace ekakulassa **dhaññaṅkaraṇaṃ** hoti parikkhittaṇca, antodhaññaṅkaraṇe cīvaraṃ nikkhipitvā antodhaññaṅkaraṇe vatthabbaṃ. Sace aparikkhittaṃ hoti, cīvarassa hatthapāse vasitabbaṃ. Sace nānākulassa dhaññaṅkaraṇaṃ hoti parikkhittaṇca, antodhaññaṅkaraṇe cīvaraṃ nikkhipitvā dvāramūle vā vatthabbaṃ dvāramūlassa vā hatthapāse. Sace aparikkhittaṃ hoti, cīvarassa hatthapāse vasitabbaṃ.

Pupphārāmaphalārāmesupi khetto vuttanayeneva vinicchayo veditabbo.

Nếu **sân đập lúa** thuộc về một gia đình và có hàng rào, thì sau khi gởi y bên trong sân đập lúa, vị ấy nên ở bên trong sân đập lúa. Nếu không có hàng rào, thì nên ở trong tầm tay của y. Nếu sân đập lúa thuộc về nhiều gia đình và có hàng rào, thì sau khi gởi y bên trong sân đập lúa, vị ấy nên ở gốc cổng hoặc trong tầm tay của gốc cổng. Nếu không có hàng rào, thì nên ở trong tầm tay của y. **Trong các vườn hoa và vườn cây ăn trái** cũng vậy, sự quyết định nên được hiểu theo phương thức đã nêu trong trường hợp cánh đồng.

Sace ekakulassa **vihāro** hoti parikkhitto ca, antovihāre cīvaraṃ nikkhipitvā antovihāre vatthabbaṃ. Sace aparikkhitto hoti, yasmim vihare cīvaraṃ nikkhittaṃ, tasmim vatthabbaṃ tassa viharassa vā hatthapāse.

Nếu **tu viện** thuộc về một gia đình và có hàng rào, thì sau khi gởi y bên trong tu viện, vị ấy nên ở bên trong tu viện. Nếu không có hàng rào, y đã được gởi ở tu viện nào, vị ấy phải ở trong tu viện đó hoặc trong tầm tay của tu viện đó.

Sace ekakulassa **rukkaṃmūlaṃ** hoti, yaṃ majjhanhike kāle samantā chāyā pharati, antochāyāya cīvaraṃ nikkhipitvā antochāyāya vatthabbaṃ. Viraḷasākhassa pana

rukkhassa ātapena phuṭṭhokāse ṭhapitaṃ nissaggiyameva hoti, tasmā tādisassa rukkhassa sākhaṇḍāyāya vā khandhaṇḍāyāya vā ṭhapetabbam. Sace sākhaṇḍāya vā viṭape vā ṭhapeti, upari aññasākhaṇḍāyāya phuṭṭhokāseyeva ṭhapetabbam. Khujjarukkhassa chāyā dūram gacchati, chāyāya gataṭṭhāne ṭhapetum vaṭṭatiyeva. Sace nānākulassa rukkhamaṇḍam hoti, cīvarassa hatthapāse vasitabbam.

Nếu **gốc cây** thuộc về một gia đình, bóng râm nào bao trùm xung quanh vào lúc giữa trưa, thì sau khi gởi y trong bóng râm, vị ấy nên ở trong bóng râm. Tuy nhiên, y được đặt ở nơi bị nắng chiếu của một cây có cành lá thưa thớt thì phải bị xả bỏ. Do đó, đối với một cây như vậy, y nên được đặt trong bóng của cành hoặc bóng của thân. Nếu đặt trên cành hoặc nhánh cây, thì phải đặt ở nơi được che phủ bởi bóng của một cành khác ở trên. Bóng của cây thấp thì đi xa, được phép đặt y ở nơi bóng cây chiếu tới. Nếu gốc cây thuộc về nhiều gia đình, thì vị ấy nên ở trong tầm tay của y.

Ajjhokāse pana agāmake araṇṇhe cīvaram ṭhapetvā tassa samantā sattabbhantare vasitabbam. Agāmakam nāma araṇṇam viñjhāṭavīdāsu vā samuddamajjhe vā macchabandhānam agamanapathe dīpakesu labbhati. Tādise araṇṇhe majjhe ṭhitassa samantā sattabbhantarapariṇāyā, vinibbedhena cuddasa honti. Majjhe nisinno puratthimāya vā pacchimāya vā disāya pariante ṭhapitacīvaram rakkhati. Sace pana aruṇuggamanasamaye kesaggamattampi puratthimam disam gacchati, pacchimāya disāya cīvaram nissaggiyam hoti. Esa nayo itarasmim. Nissaggiyam pana cīvaram anissajjitvā paribhuñjanto dukkaṭam āpajjati.

Còn ở **ngoài trời**, trong khu rừng không có làng, sau khi đặt y, vị ấy nên ở trong phạm vi bảy abbhantara xung quanh y đó. Khu rừng không có làng được áp dụng cho các khu rừng như Vindhya, v.v., hoặc cho các hòn đảo nhỏ trên đường đi của những người đánh cá ở giữa biển. Trong một khu rừng như vậy, đối với người đứng ở giữa, có sự phân định bảy abbhantara xung quanh; nếu tính cả hai phía thì là mười bốn. Người ngồi ở giữa trông coi y được đặt ở rìa phía đông hoặc phía tây. Tuy nhiên, nếu vào thời điểm rạng đông, vị ấy đi về phía đông dù chỉ bằng một sợi tóc, thì y ở phía tây phải bị xả bỏ. Phương thức này cũng áp dụng cho các trường hợp khác. Người nào sử dụng y phải xả bỏ mà không xả bỏ, thì phạm tội Tác Ác.

52. Sace padhāniko bhikkhu sabbarattim padhānamanuyuñjitvā paccūsasamaye “nahāyissāmī”ti tīṇi cīvarāni tīre ṭhapetvā nadim otarati, nahāyantasappa cassa aruṇam uṭṭhahati, kim katabbam? So hi yadi uttaritvā cīvaram nivāseti, nissaggiyam cīvaram, anissajjitvā paribhuñjanapaccayā dukkaṭam āpajjati. Atha naggo gacchati, evampi dukkaṭam āpajjati? Nāpajjati. So hi yāva añṇam bhikkhum disvā vinayakammaṃ na karoti, tāva tesam cīvarānam aparibhogārahattā naṭṭhacīvaraṭṭhāne ṭhito hoti, naṭṭhacīvarassa ca akappiyam nāma natthi, tasmā ekaṃ nivāsetvā dve hatthena gahetvā vihāram gantvā vinayakammaṃ katabbam. Sace dūre vihāro hoti, antarāmagge manussā sañcaranti, ekaṃ nivāsetvā ekaṃ pārupitvā ekaṃ aṃsakūṭe ṭhapetvā gantabbam. Sace

vihāre sabhāgaṃ bhikkhuṃ na passati, bhikkhācāraṃ gatā honti, saṅghāṭiṃ bahigāme ṭhapetvā santaruttarena āsanasālaṃ gantvā vinayakammaṃ kātabbhaṃ. Sace bahigāme corabhayaṃ hoti, pārupitvā gantabbhaṃ. Sace āsanasālā sambādhā hoti, janākiṇṇā na sakkā ekamante cīvaraṃ apānetvā vinayakammaṃ kātuṃ, ekaṃ bhikkhuṃ ādāya bahigāmaṃ gantvā vinayakammaṃ katvā cīvarāni paribhuñjitabbāni.

52. Nếu một vị Tỳ-khưu hành thiền, sau khi đã nỗ lực suốt cả đêm, xuống sông vào lúc rạng đông với ý nghĩ: “Ta sẽ tắm,” và đặt ba y trên bờ, và rạng đông ló dạng trong khi vị ấy đang tắm, thì phải làm gì? Nếu vị ấy lên bờ và mặc y, thì y phải bị xả bỏ, và do sử dụng mà không xả bỏ, vị ấy phạm tội Tác Ác. Còn nếu đi trong tình trạng lỏa thể, vị ấy cũng phạm tội Tác Ác phải không? Không phạm. Cho đến khi thấy một vị Tỳ-khưu khác và thực hiện Tăng sự về giới luật, vị ấy được xem là ở trong tình trạng mất y, vì những y đó không được phép sử dụng. Và đối với người bị mất y, không có gì gọi là không thích hợp. Do đó, nên mặc một y, cầm hai y bằng tay, đi đến tu viện và thực hiện Tăng sự về giới luật. Nếu tu viện ở xa, và có người đi lại trên đường, thì nên mặc một y, choàng một y, và đặt một y trên vai rồi đi. Nếu không thấy vị Tỳ-khưu cùng hội trong tu viện, vì họ đã đi khát thực, thì nên đặt y Tăng-già-lê ở ngoài làng, rồi đi vào nhà nghỉ với y nội và y vai, và thực hiện Tăng sự về giới luật. Nếu có nguy cơ bị trộm cướp ở ngoài làng, thì nên choàng y rồi đi. Nếu nhà nghỉ chật chội, đông người, không thể cởi y ra ở một góc để thực hiện Tăng sự về giới luật, thì nên dẫn một vị Tỳ-khưu đi ra ngoài làng, thực hiện Tăng sự về giới luật, rồi mới sử dụng các y.

Sace therā bhikkhū daharānaṃ hatthe pattacīvaraṃ datvā maggaṃ gacchantā pacchimayāme sayitukāmā honti, attano attano cīvaraṃ hatthapāse katvāva sayitabbhaṃ. Sace gacchantānaṃyeva asampattesu daharesu aruṇaṃ uggacchati, cīvaraṃ nissaggiyaṃ hoti, nissayo pana na paṭippassambhati. Daharānampi purato gacchantānaṃ theresu asampattesu eseva nayo. Maggaṃ virajjhivā araṇṇe aññamaññaṃ apassantesupi eseva nayo. Sace pana daharā “mayaṃ, bhante, muhuttaṃ sayitvā asukasmim nāma okāse tumhe sampāpuṇissāmā”ti vatvā yāva aruṇuggamanā sayanti, cīvaraṇca nissaggiyaṃ hoti, nissayo ca paṭippassambhati. Dahare uyyojetvā theresu sayantesupi eseva nayo. Dvedhāpathaṃ disvā therā “ayaṃ maggo”, daharā “ayaṃ maggo”ti vatvā aññamaññaṃ vacanaṃ aggahetvā gatā, saha aruṇassa uggamanā cīvarāni ca nissaggiyāni honti, nissayo ca paṭippassambhati. Sace daharā maggato okkamma “antoaruṇeyeva nivattissāmā”ti bhesajjatthāya gāmaṃ pavisitvā āgacchanti, asampattānaṃyeva ca nesaṃ aruṇo uggacchati, cīvarāni nissaggiyāni honti, nissayo pana na paṭippassambhati. Sace pana dhenubhayena vā sunakhabhayena vā muhuttaṃ ṭhatvā “gamissāmā”ti ṭhatvā vā nisīditvā vā gacchanti, antarā aruṇe uggate cīvarāni ca nissaggiyāni honti, nissayo ca paṭippassambhati.

Nếu các vị Tỳ-khưu trưởng lão, sau khi giao y bát cho các vị Tỳ-khưu trẻ trong tay, đi trên đường và muốn ngủ vào canh cuối, thì phải ngủ sau khi đã đặt y của mình trong tầm tay. Nếu rạng đông ló dạng trong khi các vị trẻ chưa đến nơi, thì y phải bị xả bỏ, nhưng sự nương tựa không bị đình chỉ. Đối với các vị trẻ đi trước, nếu các vị trưởng lão chưa đến, thì phương thức cũng tương tự. Trong trường hợp họ lạc đường và không thấy nhau trong rừng, phương thức cũng tương tự. Tuy nhiên, nếu các vị trẻ nói: “Thưa ngài, chúng con sẽ ngủ một lát rồi sẽ gặp các ngài ở một nơi nào đó,” rồi ngủ cho đến khi rạng đông, thì cả y phải bị xả bỏ và sự nương tựa cũng bị đình chỉ. Trong trường hợp các vị trưởng lão, sau khi tiễn các vị trẻ đi, rồi ngủ, phương thức cũng tương tự. Khi thấy ngã ba đường, các vị trưởng lão nói: “Đây là đường,” còn các vị trẻ nói: “Đây là đường,” rồi họ đi mà không nghe lời nhau, thì cùng với lúc rạng đông, cả các y phải bị xả bỏ và sự nương tựa cũng bị đình chỉ. Nếu các vị trẻ đi lệch khỏi đường, vào làng để tìm thuốc với ý nghĩ: “Chúng ta sẽ trở lại trước rạng đông,” và rạng đông ló dạng trong khi họ chưa đến, thì các y phải bị xả bỏ, nhưng sự nương tựa không bị đình chỉ. Tuy nhiên, nếu họ đứng lại hoặc ngồi xuống một lát với ý nghĩ: “Chúng ta sẽ đi,” vì sợ bò cái hoặc sợ chó, rồi mới đi, và rạng đông ló dạng trên đường, thì cả các y phải bị xả bỏ và sự nương tựa cũng bị đình chỉ.

Sace “antoaruṇeyeva āgamiṣṣā”ti antosīmāyaṃ gāmaṃ pavittḥānaṃ antarā aruṇo uggacchati, neva cīvarāni nissaggiyāni honti, na nissayo paṭippassambhati. Sace pana “vibhāyatu tāvā”ti nisīdanti, aruṇe uggate na cīvarāni nissaggiyāni honti, nissayo pana paṭippassambhati. Sace yepi “antoaruṇeyeva āgamiṣṣā”ti sāmantavihāraṃ dhammassavanatthāya saussāhā gacchanti, antarāmaggeyeva ca nesaṃ aruṇo uggacchati, cīvarāni nissaggiyāni honti, nissayo pana na paṭippassambhati. Sace dhammagāravena “yāvapariyosānaṃ sutvāva gamiṣṣā”ti nisīdanti, saha aruṇassa uggamanā cīvarāni nissaggiyāni honti, nissayo ca paṭippassambhati. Therena daharaṃ cīvaradhovanatthāya gāmaṃ pesentena attano cīvaraṃ paccuddharitvāva dātabbaṃ, daharassapi cīvaraṃ paccuddharāpetvāva ṭhapetabbaṃ. Sace asatiyā gacchati, attano cīvaraṃ paccuddharitvā daharassa cīvaraṃ vissāsenā gahetvā ṭhapetabbaṃ. Sace thero na sarati, daharova sarati, daharena attano cīvaraṃ paccuddharitvā therassa cīvaraṃ vissāsenā gahetvā gantvā vattabbaṃ “bhante, tumhākaṃ cīvaraṃ adhiṭṭhahitvā paribhuñjathā”ti. Attanopi cīvaraṃ adhiṭṭhātabbaṃ. Evaṃ ekassa satiyāpi āpattimokkho hoti.

Nếu những người vào làng trong phạm vi giới phận với ý nghĩ: “Chúng ta sẽ trở lại trước rạng đông,” và rạng đông ló dạng trên đường, thì cả các y không phải bị xả bỏ và sự nương tựa cũng không bị đình chỉ. Tuy nhiên, nếu họ ngồi xuống với ý nghĩ: “Hãy đợi trời sáng,” và rạng đông ló dạng, thì các y không phải bị xả bỏ, nhưng sự nương tựa bị đình chỉ. Nếu những người đi đến tu viện lân cận một cách hăng hái để nghe pháp với ý nghĩ:

“Chúng ta sẽ trở lại trước rặng đông,” và rặng đông ló dạng trên đường, thì các y phải bị xả bỏ, nhưng sự nương tựa không bị đình chỉ. Nếu họ ngồi lại với lòng tôn kính pháp: “Chúng ta sẽ nghe cho đến hết rồi mới đi,” thì cùng với lúc rặng đông, cả các y phải bị xả bỏ và sự nương tựa cũng bị đình chỉ. Khi vị trưởng lão sai vị trẻ đến làng để giặt y, thì phải đưa y của mình sau khi đã từ bỏ sự chú nguyện, và cũng phải bảo vị trẻ từ bỏ sự chú nguyện đối với y của vị ấy rồi mới giữ lại. Nếu vị trẻ đi mà quên, thì vị trưởng lão nên từ bỏ sự chú nguyện đối với y của mình, rồi giữ y của vị trẻ với lòng tin tưởng. Nếu vị trưởng lão không nhớ, mà chỉ có vị trẻ nhớ, thì vị trẻ nên từ bỏ sự chú nguyện đối với y của mình, rồi cầm y của vị trưởng lão với lòng tin tưởng mà đi, và nói: “Thưa ngài, xin ngài hãy chú nguyện y của ngài rồi hãy sử dụng.” Vị trẻ cũng phải chú nguyện y của mình. Như vậy, dù chỉ một người có chánh niệm, cũng thoát khỏi tội.

Iti pālimuttakavinayavinicchayaṅgahe

Như thế, trong bộ Tập hợp phân tích giới luật ngoài Tam Tạng Pāli

Cīvaravippavāsavinicchayakathā samattā.

Lời giải thích về sự quyết định liên quan đến việc sống xa y được chấm dứt.